



Vision & Associates

LUẬT SƯ. ĐẠI DIỆN SỞ HỮU TRÍ TUỆ . TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ

Bản tin pháp lý

Tháng 7/2006

Nội dung

Luật Đầu tư.....	2
Các lĩnh vực khác:.....	5
Tài chính	5
Ngân hàng	5
Xuất - Nhập khẩu	6
Y tế.....	6
Lao động.....	6
Hàng hải.....	6
Bưu chính - Viễn thông.....	6
Văn bản khác.....	7
Địa chỉ Liên hệ.....	8

Bản tin pháp lý này được phát hành cho khách hàng của chúng tôi và những người quan tâm. Các thông tin trong Bản tin này chỉ để tham khảo. Chúng tôi đề nghị Quý khách hàng và độc giả nên tham khảo ý kiến chuyên môn đối với các vấn đề cụ thể. Xin hãy liên hệ trực tiếp tới các văn phòng của chúng tôi hoặc những người có tên tại cuối Bản tin này.

Bản tin pháp lý này có trên trang Web của chúng tôi tại www.vision-associates.com

© 2006. Bản quyền của Công ty Vision & Associates.

Luật Đầu tư

Luật Đầu tư 2005 - Những thay đổi và phát triển cơ bản

Lưu Tiến Ngọc

Nhân dịp Luật Doanh Nghiệp và Luật Đầu Tư (chúng tôi xin được gọi là Luật Doanh nghiệp Thống nhất và Luật Đầu tư Chung) có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006, chúng tôi xin tóm tắt một số thay đổi và phát triển mới của hai đạo luật này, cũng như phân tích những ảnh hưởng lớn của hai đạo luật này tới môi trường kinh doanh và các nguyên tắc quản lý doanh nghiệp, đặc biệt là các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, ở Việt Nam.

Tiếp theo bài thứ nhất về những thay đổi và phát triển mới của Luật Doanh nghiệp Thống nhất trên báo Đầu tư, đây là bài thứ hai của V&A, tóm tắt những phát triển mới của Luật Đầu tư Chung, trên cơ sở so sánh với Luật Khuyến khích Đầu tư Trong nước 1998 và Luật Đầu tư Nước ngoài ở Việt Nam 1996/2000.

Cùng với sự tồn tại của các luật riêng về doanh nghiệp là sự tồn tại của hai chế độ khuyến khích đầu tư khác nhau, một áp dụng cho đầu tư trong nước và một áp dụng cho đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong khi Luật Khuyến khích Đầu tư trong nước 1998 ("LKKĐTTN 1998") quy định về chế độ ưu đãi cho các hoạt động đầu tư trong nước, thì Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam 1996 ("LĐTNN 1996") đóng vai trò chính trong việc khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài trong gần 20 năm qua tại Việt Nam, kể từ năm 1987.

Luật Đầu tư Chung ("LĐT 2005") đã được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 nhằm đáp ứng yêu cầu tạo một lập một hành lang pháp lý chung cho việc thúc đẩy đầu tư ở Việt Nam. LĐT 2005, cùng với Luật Doanh nghiệp Thống nhất năm 2005 ("LDN 2005") lần đầu tiên thống nhất các hoạt động đầu tư và các chế độ khuyến khích đầu tư (bao gồm các địa bàn và lĩnh vực khuyến khích đầu tư) đối với tất cả các nhà đầu tư trong và ngoài nước ở Việt Nam. Khi có hiệu lực, LĐT 2005 sẽ thay thế cả LKKĐTTN 1998 và LĐTNN 1996.

Tiếp theo bài viết của chúng tôi về LDN 2005, những thay đổi và phát triển mới của LĐT 2005 so với LKKĐTTN 1998 và LĐTNN 1996 có thể được tóm tắt như sau:

Thứ nhất, đối tượng điều chỉnh: LĐT 2005 (Điều 1 và 2) quy định các hoạt động đầu tư, các quyền và nghĩa vụ, các đảm bảo của Nhà nước và khuyến khích đầu tư dành cho các nhà đầu tư vào, tại và từ Việt Nam, bao gồm các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Điều đó có nghĩa rằng kể từ ngày LĐT 2005 có hiệu lực, tất cả các hoạt động đầu tư và các khuyến khích đầu tư sẽ phải phù hợp với LĐT 2005, thay cho các quy định khuyến khích đầu tư được LKKĐTTN 1998 dành cho nhà đầu tư trong nước và LĐTNN 1996 dành cho các nhà đầu tư nước ngoài. Điều đó cũng có nghĩa là từ ngày này, các nhà đầu tư trong nước, những người chưa bao giờ có nghĩa vụ này trước đó, sẽ phải thực hiện việc đăng ký các dự án đầu tư của mình (những dự án có vốn từ 15 tỷ đồng trở lên và nằm trong danh sách đầu tư có điều kiện) như những nhà đầu tư nước ngoài.

Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm các công ty liên doanh và công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài) đã được cấp phép trước ngày có hiệu lực của LDNTN 2005, có thể lựa chọn hoặc đăng ký lại (theo LDN 2005 trong hai năm đầu tiên Luật có hiệu lực) và nhờ đó, công ty sẽ được hưởng những khuyến khích đầu tư theo LĐT 2005, hoặc giữ nguyên tình trạng pháp lý, nghĩa là vẫn hưởng các khuyến khích đầu tư như cũ, theo LĐTNN 1996 và giấy phép đầu tư đã cấp.

Thứ hai, chính sách đầu tư: LĐT 2005 (Điều 4) quy định rõ ràng quyền của các nhà đầu tư được tự do đầu tư vào tất cả các lĩnh vực, ngoại trừ những lĩnh vực mà pháp luật cấm, tự do quyết định các hoạt động đầu tư của mình, và tất cả các nhà đầu tư đều được Nhà nước đối xử một cách bình đẳng. Nói rộng hơn nữa sẽ không có hạn chế về lĩnh vực kinh doanh áp dụng đối với các nhà đầu tư nước ngoài như theo LĐTNN 1996 (ví dụ: thương mại v.v.). Nhà nước thực hiện các cam kết quốc tế và khu vực về đầu tư (Điều 8, LĐT 2005), nghĩa là hạn chế về lĩnh vực kinh doanh sẽ được xóa bỏ dần dần theo các lộ trình mà Việt Nam phê chuẩn. Ngoài ra, những hạn chế về thị trường, số lượng, tỷ lệ nội địa hóa v.v. của sản phẩm/ dịch vụ cũng sẽ bị xóa bỏ.

Thứ ba, hình thức đầu tư: Khác với LKKĐTTN 1998 và LĐTNN 1996, LĐT 2005 điều chỉnh mọi hoạt động đầu tư ở Việt Nam, bao gồm cả các hoạt động trực tiếp lẫn gián tiếp.

Đối với đầu tư trực tiếp, ngoài các hình thức đầu tư như thành lập công ty liên doanh, công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài, BCC, BOT, BTO, BT như quy định tại LĐTNN 1996, LĐT 2005 (Điều 21) còn quy định thêm các hình thức đầu tư, bao gồm đầu tư phát triển kinh doanh, mua cổ phần/ đầu tư qua cổ phiếu (để tham gia vào việc quản lý doanh nghiệp), sáp nhập và mua lại doanh nghiệp v.v.

Đối với đầu tư gián tiếp, LĐT 2005 (Điều 26) đưa ra căn cứ pháp lý cho các hoạt động như mua lại cổ phần/ đầu tư qua cổ phiếu (không tham gia vào việc quản lý doanh nghiệp), mua bán chứng khoán, đầu tư thông qua các quỹ đầu tư, các quỹ chứng khoán và các nhà trung gian tài chính khác.

Thứ tư, lĩnh vực và địa bàn đầu tư: Mặc dù danh sách các lĩnh vực đầu tư chưa được hoàn thiện và chưa có bất kỳ văn bản hướng dẫn nào, song điều đáng ghi nhận là các lĩnh vực đầu tư có điều kiện và bị cấm lần đầu tiên đã được quy định rõ ràng trong một văn bản luật có giá trị pháp lý cao như LĐT 2005 (mặc dù, về cơ bản, có nhiều điểm giống so với các quy định của các nghị định thực hiện LĐTNN 1996, như Nghị định số 24 và sau đó Nghị định số 27). Điều khác biệt là bằng việc ghi nhận trong luật, danh sách các lĩnh vực và địa bàn đầu tư theo LĐT 2005 sẽ có giá trị pháp lý ổn định hơn so với các danh sách đã được ban hành trước kia, để hướng dẫn thi hành LKKĐTTN 1998 và LĐTNN 1996.

Ngoài ra, theo LĐT 2005 (Điều 31), chỉ có Chính phủ (mà không phải các cơ quan cấp dưới như các bộ và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) mới có quyền ban hành danh sách các lĩnh vực và địa bàn đầu tư.

Thứ năm, giấy chứng nhận đầu tư: Thay cho giấy phép đầu tư vốn đã rất quen thuộc với các nhà đầu tư nước ngoài từ gần 20 năm nay, tất cả các dự án mới, có vốn đầu tư nước ngoài theo LĐT 2005 (ví dụ Điều 46) sẽ được cấp “giấy chứng nhận đầu tư” theo yêu cầu của nhà đầu tư. Tùy thuộc vào bản chất của công việc kinh doanh và quy mô vốn, tất cả các dự án có vốn đầu tư nước ngoài từ trên 300 tỷ đồng và những dự án

thuộc danh sách đầu tư có điều kiện (bất kể quy mô về vốn) sẽ được xem xét theo thủ tục thẩm tra dự án đầu tư. Về cơ bản, các thủ tục đăng ký và thẩm tra dự án đầu tư không có nhiều khác biệt hoặc nói rộng hơn là gần như tương tự như thủ tục đăng ký và thẩm định dự án đầu tư như quy định tại LĐTNN 1996, ngoại trừ một thay đổi nhỏ có lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài đó là việc không còn cần có “giải trình kinh tế kỹ thuật” đối với các dự án đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc danh sách đầu tư có điều kiện. (Các chi tiết về việc đăng ký và thẩm tra dự án đầu tư sẽ được phân tích thêm trong các bài viết sau).

Như đã đề cập trong bài đầu tiên về LDN 2005, đối với bất kỳ nhà đầu tư nước ngoài mới nào, lần đầu tiên có dự án đầu tư ở Việt Nam, thì việc đăng ký đầu tư sẽ phải được tiến hành song song với các thủ tục đăng ký kinh doanh để thành lập một công ty mới ở Việt Nam (Điều 50, LĐT 2005). Trong trường hợp này, giấy chứng nhận đầu tư sẽ đồng thời là giấy đăng ký kinh doanh. Đối với nhà đầu tư nước ngoài đã có công ty được thành lập ở Việt Nam, thì chỉ cần phải đăng ký đầu tư mà không buộc phải đăng ký kinh doanh để thành lập công ty mới ở Việt Nam.

Thứ sáu, cơ quan và thời hạn cấp giấy chứng nhận đầu tư: LĐT 2005 (Điều 47) không quy định cụ thể các cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư, mà giao cho Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên, theo tinh thần của dự thảo nghị định hướng dẫn thi hành LĐT 2005, việc xem xét và cấp giấy chứng nhận đầu tư sẽ được thực hiện thông qua một hệ thống gồm các cơ quan tương tự như hệ thống đăng ký và thẩm định dự án đầu tư theo quy định của LĐTNN 1996. Theo đó, Chính phủ/ Thủ tướng sẽ phê duyệt các dự án do Quốc hội quyết định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ phê duyệt và chứng nhận các dự án đầu tư quan trọng, và các ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ phê duyệt và chứng nhận các dự án còn lại.

LĐT 2005 (Điều 47) đã rút ngắn thời hạn xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư so với LĐTNN 1996. Theo đó, giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án thuộc diện đăng ký đầu tư sẽ được cấp trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, và thời hạn cho các dự án thuộc diện thẩm tra sẽ là trong vòng 30 ngày, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt với thời hạn có thể lên tới 45 ngày.

Không còn coi năng lực pháp lý và tài chính của các nhà đầu tư nước ngoài là tiêu chuẩn hàng đầu trong số các tiêu chuẩn như tại LĐTNN 1996, LĐT (Điều 48) đưa ra bốn tiêu chuẩn chính cho việc thẩm tra dự án khác với các quy định trong LĐTNN 1996, và gần gũi hơn với dự án đầu tư, lần lượt là: sự phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, kế hoạch sử dụng đất, xây dựng; tính hợp lý của yêu cầu sử dụng đất; việc thực hiện dự án; và các giải pháp bảo vệ môi trường.

Thứ bảy, sản phẩm và dịch vụ công cộng: So với các luật trước, LĐT 2005 đã tạo ra một sân chơi bình đẳng về quyền tự do kinh doanh cho mọi cá nhân và tổ chức kinh doanh, trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh, ngoại trừ các lĩnh vực cấm. Theo LĐT 2005 (Điều 69), mọi cá nhân và tổ chức kinh doanh, bất kể trong nước hay nước ngoài, bất kể doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân, đều có quyền bình đẳng trong việc sản xuất và cung ứng các sản phẩm và dịch vụ công ích.

Thứ tám, các bảo đảm và khuyến khích đầu tư: LĐT 2005 quy định (chủ yếu khẳng định lại những quy định của LKKĐTTN 1998 và LĐTNN 1996 nhưng theo một cách có hệ thống hơn) một loạt biện pháp bảo đảm và khuyến khích đầu tư đối với các nhà đầu

tư, trong đó có nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm những biện pháp bảo đảm vốn và tài sản, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, dỡ bỏ dần các rào cản tiếp cận thị trường, chuyển vốn và tài sản ra nước ngoài, áp dụng một mức thuế, bảo vệ trong trường hợp có thay đổi pháp lý, thuế, chuyển lỗ, khấu hao nhanh tài sản cố định, quyền sử dụng đất, v.v. Trong số đó, lần đầu tiên một văn bản pháp lý có giá trị cao như LĐT 2005 khẳng định một chế độ giá áp dụng cho các nhà đầu tư nước ngoài (giống như các nhà đầu tư trong nước) đối với các sản phẩm và dịch vụ mà Nhà nước kiểm soát.

Thứ chín, giải quyết tranh chấp: Lần đầu tiên, cơ chế giải quyết tranh chấp mềm dẻo được đưa vào trong LĐT 2005. Theo đó, không chỉ tòa án và cơ quan trọng tài Việt Nam như theo LĐTNN 1996, mà cả tòa án và cơ quan trọng tài nước ngoài/ quốc tế có thể có quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các hoạt động đầu tư vào và tại Việt Nam.

Cuối cùng, đăng ký lại đầu tư: LĐT 2005 (Điều 88) quy định các nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn việc đăng ký lại đầu tư của họ ở Việt Nam. Trong trường hợp đăng ký lại, “giấy chứng nhận đầu tư” mới sẽ được cấp thay cho “giấy phép đầu tư” cũ được ban hành theo LĐTNN 1996./.

Các lĩnh vực khác:

Tài chính

- Thông tư số 51/2006/TT-BTC, ngày 12/6/2006, của Bộ Tài chính, về việc hướng dẫn một số nội dung của Quy chế bán đấu giá công ty Nhà nước.
- Ngày 22/6/2006, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2006/TT-BTC, hướng dẫn một số điều về Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quy định tại Nghị định số 26/2005/NĐ-CP.
- Thông tư số 56/2006/TT-BTC, ngày 23/6/2006, của Bộ Tài chính, về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2007.
- Ngày 26/6/2006, Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ra Thông tư liên tịch số 59/2006/TTLT-BTC-BLĐTBXH về phí môi giới trong xuất khẩu lao động.
- Ngày 28/6/2006, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 60/2006/TT-BTC, hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện thành lập và hoạt động đối với doanh nghiệp kiểm toán.

Ngân hàng

- Ngày 26/6/2006, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định số 26/2006/QĐ-NHNN về việc ban hành Quy chế bảo lãnh ngân hàng.

- Thông tư số 04/2006/TT-NHNN, ngày 03/7/2006, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài đối với hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Ngân hàng Nhà nước.
- Ngày 11/7/2006, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 30/2006/QĐ-NHNN về Quy chế cung ứng và sử dụng séc.

Xuất - Nhập khẩu

- Quyết định số 156/2006/QĐ-TTg, ngày 30/6/2006, của Thủ tướng chính phủ, về việc phê duyệt Đề án Phát triển xuất khẩu giai đoạn 2006-2010.

Y tế

- Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg, ngày 30/6/2006, của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

Lao động

- Ngày 07/7/2006, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BLĐTBXH-BTP, hướng dẫn bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Hàng hải

- Ngày 21/6/2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2006/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

Bưu chính - Viễn thông

- Thông tư số 03/2006/TT-BBCVT, ngày 29/6/2006, của Bộ Bưu chính, Viễn thông, về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 05/2004/TT-BBCVT, ngày 16/12/2004 về hướng dẫn thực hiện một số điều về xử lý vi phạm hành chính và khiếu nại, tố cáo quy định tại Chương IV Nghị định số 55/2001/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet.

Điện lực

- Quyết định số 147/2006/QĐ-TTg, ngày 22/6/2006, của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Văn bản khác

- Quyết định số 150/2006/QĐ-TTg, ngày 23/6/2006, của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện “Chiến lược quốc gia về vay và trả nợ nước ngoài đến năm 2010”.
- Quyết định số 154/2006/QĐ-TTg, ngày 30/6/2006, của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Đề án “Quản lý Nhà nước về dược phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, mỹ phẩm giai đoạn 2006-2015”.
- Ngày 07/7/2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 66/2006/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn.

Ngày 12/7/2006, Chủ tịch nước đã ký lệnh để công bố một số Luật sau:

- Lệnh số 03/2006/L-CTN về việc công bố Luật Kinh doanh bất động sản;
- Lệnh số 06/2006/L-CTN về việc công bố Luật Luật sư;
- Lệnh số 07/2006/L-CTN về Nghị quyết thi hành Luật Luật sư;
- Lệnh số 08/2006/L-CTN về việc công bố Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;
- Lệnh số 09/2006/L-CTN về việc công bố Luật Công nghệ thông tin;
- Lệnh số 11/2006/L-CTN về việc công bố Luật Trợ giúp pháp lý;
- Lệnh số 12/2006/L-CTN về việc công bố Luật Chứng khoán;
- Lệnh số 13/2006/L-CTN về việc công bố Luật Bảo hiểm xã hội;
- Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/7/2006, của Thủ tướng Chính phủ, về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam.

Địa chỉ Liên hệ

Trụ sở Hà Nội

Phạm Nghiễm Xuân Bắc

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Hải

Giám đốc Văn phòng Tư vấn

Lê Quỳnh Anh

Trưởng Văn phòng Luật

Lê Thị Kim Dung

Giám đốc Văn phòng Sở hữu Trí tuệ

Phòng 308-310, tầng 3, Tháp Hà Nội

49 phố Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-4 934-0629 / 826-4797 - Fax: 84-4 934-0631

E-mail: vision@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại TP HCM

Đặng Thế Đức

Giám đốc Văn phòng TP HCM

Phòng 1801, tầng 18., Saigon Trade Centre

37 phố Tôn Đức Thắng, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 84-8 823-6495 - Fax: 84-8 823-6496

E-mail: hcmvision@hcm.vnn.vn

www.vision-associates.com